

Số: 28/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Parahills Hòa Bình tại xã Bình Thanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Parahills Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Parahills Hòa Bình, như sau:

1. Tên dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng Parahills Hòa Bình.
2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Beru Group.
3. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng: 5,24 ha.
4. Địa điểm, vị trí chuyển mục đích sử dụng rừng:
 - a) Địa điểm: Xã Bình Thanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.
 - b) Vị trí: Tại tiểu khu 108 và 110; khoảnh 3, 11 và 20; tổng có 13 lô.

(Kèm theo biểu chi tiết khu vực chuyển mục đích sử dụng rừng; trích lục tiểu khu, khoảnh, lô từ Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tại Quyết định số

3042/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hòa Bình, về việc phê duyệt Kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030).

5. Chức năng rừng: Rừng sản xuất.

6. Loại rừng hiện nay: Rừng trồng, đất trồng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu tại hồ sơ trình; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện dự án theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TN&MT, KH&ĐT;
- HĐND, UBND huyện Cao Phong;
- LĐVP ĐĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, CTHĐ, THDN (T).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

TỔNG HỢP VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, HIỆN TRẠNG RỪNG KHU VỰC CHỦ TRƯỞNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

TT	Địa điểm	Tiểu khu	K	Lô	Quy hoạch 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Thông tin về lô rừng										Đất không có rừng		Ghi chú
							Đất có rừng (ha)	Rừng tự nhiên			Rừng trồng						Diện tích (ha)	Trạng thái	
								Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Diện tích (ha)	Trạng thái	Loài cây trồng	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Năm trồng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	1. Xã Bình Thanh					3,56	1,55				1,55						2,01		
1	Xóm Tráng	108	11	93	ph	0.09	0.09				0.09	rtg	Keo			2016			
2	Xóm Tráng	108	11	106	sx	0.71	0.71				0.71	rtg	Keo			2017			
3	Xóm Tráng	108	11	116	ph	0.91											0.91	dt1	
4	Xóm Tráng	108	11	117	ph	0.14	0.14				0.14	rttn	Luồng			2016			
5	Xóm Tráng	108	20	19	ph	1.10											1.10	dt1	
6	Xóm Tráng	108	20	31b	ph	0.45	0.45				0.45	rtg	Keo						
7	Xóm Tráng	108	20	33	ph	0.01	0.01				0.01	rtg	Keo			2017			
8	Xóm Tráng	108	20	34	ph	0.15	0.15				0.15	rttn	Luồng			2016			
	2. Xã Thung Nai					1,68	0,35				0,35						1,33		
1	Xóm Nai	110	3	44	sx	0.02											0.02	dt1	
2	Xóm Nai	110	3	46	sx	0.10	0.10				0.10	rtg	Keo			2016			
3	Xóm Nai	110	3	45a	sx	0.25	0.25				0.25	rtg	Keo						

TT	Địa điểm	Tiểu khu	K	Lô	Quy hoạch 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Thông tin về lô rừng										Đất không có rừng		Ghi chú
							Đất có rừng (ha)	Rừng tự nhiên			Rừng trồng						Diện tích (ha)	Trạng thái	
								Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Diện tích (ha)	Trạng thái	Loại cây trồng	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Năm trồng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
4	Xóm Nai	110	3	50b	sx	0.02											0.02	mn	Đã điều chỉnh nqh3lr
5	Xóm Nai	110	3	50a	sx	1.29											1.29	dt1	Đã điều chỉnh nqh3lr
	Tổng cộng 2 xã = 1+2					5,24	1,90				1,90						3,34		

*** Ghi chú:**

- Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng là: 5.24 ha, trong đó: 2.85 ha rừng phòng hộ (hiện trạng: 0.85 ha rừng trồng luồng + sấu, keo; 2.00 ha đất không có rừng); 1,08 rừng sản xuất (hiện trạng: 1.06 ha rừng trồng keo, luồng; 0.02 ha đất không có rừng); 1.31 ha (hiện trạng là đất không có rừng) đã điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng, chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng.

- Chữ viết tắt: TK (tiểu khu); K (khoảnh); L (lô); nqh (ngoài quy hoạch); rtt (rừng trồng tre, nứa); dt1 (đất trồng), đkh (đất khác), QH (quy hoạch).

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH